TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 10/2019/HNGĐ-PT Ngày 07-8-2019 V/v: *Xin ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh, ông Đỗ Tuấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/HNGĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc xin ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 114/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà X, đường G, tổ 5, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Đinh Quang N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số nhà X, đường G, tổ 5, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Đinh Quang N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm*:

Phía nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Về tình cảm: Bà H và ông Đinh Quang N kết hôn từ ngày 14/01/1998 có đăng kí kết hôn tại UBND thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Cuối năm 2016, bà H đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N. Tòa án đã hòa giải để hai vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng sau đó mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng hơn. Trên thực tế, bà H và ông N đã ly thân từ năm 2016. Xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng xin ly hôn với ông Đinh Quang N.

Về con chung: Bà H và ông N có 02 con chung là cháu Đinh Trung A, sinh ngày 08/10/1999 và cháu Đinh Trung B, sinh ngày 08/10/1999. Cả hai cháu Trung A, Trung B đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, *nợ chung*: Bà H cam đoan vợ chồng không có tài sản riêng, nợ chung.

Về phía bị đơn ông Đinh Quang N trình bày:

Về tình cảm: Ông N xác nhận thời gian, địa điểm kết hôn của ông và bà H là chính xác. Hôn nhân tự nguyện, không ai bị ép buộc. Về nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai vợ chồng không hợp nhau. Ông và bà H đã sống ly thân, ông N xác định không còn tình cảm với bà H nhưng không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Nếu bà H kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý với điều kiện là phải chia tài sản chung của vợ chồng trước rồi mới ly hôn sau.

Về con chung: Ông N và bà H có 02 con chung là cháu Đinh Trung A, sinh ngày 08/10/1999 và cháu Đinh Trung B, sinh ngày 08/10/1999. Cả hai cháu Trung A, Trung B đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông N và bà H tạo lập được khối tài sản chung gồm:

- 01 (một) ngôi nhà 2,5 tầng được xây dựng trên thửa đất điện tích 60 m² tại địa chỉ số nhà X đường G, tổ 5, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Quang N). Đối với tài sản này, ông N đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- 01 (một) ngôi nhà và đất tại địa chỉ số K đường G, tổ 5, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất), vợ chồng không tự thỏa thuận được, ông N yêu cầu tòa án chia theo pháp luật.

Về tài sản riêng, nợ chung: Ông N cam đoan vợ chồng không có tài sản riêng, nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 114/2019/HNGĐ-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã xét xử và quyết định áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị H được ly hôn ông Đinh Quang N

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông Đinh Quang N có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 5 năm 2019 bị đơn ông Đinh Quang N có đơn kháng cáo không nhất trí với một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về phần tài sản chung của vợ chồng đối với ngôi nhà số K, đường G, Tổ 5, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Tòa án đúng quy định của pháp luật, và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bác nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đinh Quang N. Đề nghị giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 114/2019/HNGĐ-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 5 năm 2019, bị đơn ông Đinh Quang N có đơn yêu cầu phản tố đến Tòa án nhân dân thành phố Sơn La và được chấp nhận. Do bị đơn ông N không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 146, khoản 1, 2 Điều 195, Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 25 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên Tòa án nhân dân thành phố Sơn La không thụ lý và giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia tài sản chung là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, bị đơn ông N có yêu cầu phản tố đề nghị giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng đối với căn nhà số K, đường G, tổ 5, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã hai lần gửi thông báo về việc nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông N không nộp án phí theo quy định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết vấn đề chia tài sản chung của vợ chồng là đúng quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đinh Quang N có đơn kháng cáo, đề nghị giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, nhưng vấn đề này đã không được giải quyết tại Tòa án sơ thẩm, nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét

kháng cáo của ông N về tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, ông N vẫn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác, nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Đinh Quang N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm gồm: quan hệ hôn nhân và con chung không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Từ những nhận định phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Quang N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 114/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 28 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Quang N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 114/2019/HNGĐ-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La như sau:

1. Xử cho bà Phạm Thị H ly hôn với ông Đinh Quang N.

2. Về con chung:

Chấp nhận việc ông N, bà H không yêu cầu giải quyết về con chung, do các cháu đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi (02 cháu đều sinh ngày 08/10/1999), đều có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung

Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

Ông Đinh Quang N có quyền khởi kiện về tài sản chung bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Ông Đinh Quang N phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 000310 ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 07/8/2019).

Nơi nhận:
- VKS nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân thành phố Sơn La;
- Chi cục thi hành án dân sự TP Sơn La;
- UBND thị trấn Yên Châu
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Trung Thành